

Số: 71/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Điện lực

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-KĐCL ngày 24/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Điện lực, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXIII ngày 5/8/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Điện lực của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Điện lực theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Điện lực cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Điện lực cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Điện lực.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Tạ Thị Thu Hiền

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC**

(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐKĐCL ngày 07 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3.92	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3.87
Tiêu chuẩn 1	4.00	Tiêu chuẩn 13	3.80
Tiêu chuẩn 2	3.75	Tiêu chuẩn 14	3.80
Tiêu chuẩn 3	4.00	Tiêu chuẩn 15	4.00
Tiêu chuẩn 4	3.75	Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 5	4.00	Tiêu chuẩn 17	4.00
Tiêu chuẩn 6	4.29	Tiêu chuẩn 18	4.00
Tiêu chuẩn 7	3.60	Tiêu chuẩn 19	3.75
Tiêu chuẩn 8	4.00	Tiêu chuẩn 20	4.00
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3.96	Tiêu chuẩn 21	3.75
Tiêu chuẩn 9	3.83	Mục 4. Kết quả hoạt động	3.94
Tiêu chuẩn 10	4.25	Tiêu chuẩn 22	4.25
Tiêu chuẩn 11	3.75	Tiêu chuẩn 23	4.00
Tiêu chuẩn 12	4.00	Tiêu chuẩn 24	4.00
		Tiêu chuẩn 25	3.50

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

*(Kèm theo Nghị quyết số: 71/NQ-HĐKĐCL ngày 07 tháng 8 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Điện lực giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được xác định rõ ràng; thể hiện vị thế, truyền thống và cam kết trách nhiệm xã hội phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập, phân định rõ trách nhiệm và đang được hoàn thiện theo Luật Giáo dục đại học. Các chỉ tiêu chiến lược cơ bản được xác lập và có các giải pháp khả thi để thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng và cập nhật kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng đầu tư và triển khai có kết quả; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và năng lực nghiên cứu. Tình hình tài chính ổn định, nguồn thu có sự gia tăng đảm bảo nguồn lực cho các hoạt động và có tích lũy. Cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường được đầu tư, đánh giá và cải tiến. Mạng lưới đối tác trong nước phát triển tốt, quan hệ đối ngoại có những cải thiện.

1. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chuyên trách có chuyên môn, nghiệp vụ và được đào tạo, bồi dưỡng. Chính sách chất lượng được xây dựng và thực thi. Các kế hoạch chiến lược và hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai đã hỗ trợ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Cơ chế đảm bảo chất lượng được vận hành thông qua các hoạt động khảo sát, tự đánh giá và đánh giá ngoài nhà trường và các CTĐT. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bước đầu được xây dựng, có ứng dụng công nghệ thông tin ở các lĩnh vực hoạt động chủ yếu; dữ liệu thông tin được lưu trữ và cập nhật. Lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn, đối sánh được triển khai trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo và phục vụ cho công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được đầu tư; tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai; kết quả tuyển sinh đại học khá ổn định và có sự gia tăng về số lượng và chất lượng. Việc phát triển CTĐT được thực hiện theo quy định. Các hoạt động dạy, học phù hợp với định hướng đào tạo của Trường; hệ thống quản lý giáo dục PMT- ESM Education được ứng dụng trong quản lý hoạt động dạy và học. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và được triển khai thực hiện hàng năm; các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh và được sử dụng để đánh giá, cải tiến. Hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, cán bộ và người học được thiết lập và triển khai khá hiệu quả. Chiến lược và kế hoạch phát triển hợp tác trong nghiên cứu được xác định và có các giải pháp thực hiện; hoạt động quan hệ đối ngoại và mạng lưới đối tác được mở rộng, phát huy hiệu quả. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng khá đa dạng gắn với thế mạnh của Nhà trường.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai có phần mềm hỗ trợ; tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được xác

lập và giám sát. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao; chất lượng và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động đánh giá khá tốt. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học được xác định; đã thực hiện được một số đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và của doanh nghiệp; kết quả công bố khoa học, nhất là trên hệ thống ISI, Scopus tăng đáng kể. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được quy định cụ thể để triển khai, được quan tâm đánh giá và có tác động xã hội tích cực. Việc giám sát kết quả và chỉ số tài chính của các hoạt động được quan tâm thực hiện góp phần quảng bá hình ảnh, tăng uy tín cho Nhà trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Khẩn trương ban hành Chiến lược giai đoạn 2022-2030; hoàn thiện sứ mạng và tầm nhìn theo cách tiếp cận hiện đại hơn. Đánh giá hiệu quả tác động của các giá trị cốt lõi và kết hợp công bố tại các sự kiện để tiếp tục tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng tới các bên liên quan.

2. Có các giải pháp hiệu quả để tăng cường quản lý nội bộ trong tự chủ đại học; bổ sung chức năng các ban của Hội đồng trường, thành lập Ban kiểm soát/giám sát để hỗ trợ thực hiện chức năng giám sát theo luật định; tăng cường phối hợp nhiệm vụ kiểm tra Đảng và thanh tra nội bộ để thực hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát trong quản trị. Xây dựng các nghị quyết chuyên đề của Hội đồng trường để chỉ đạo xuyên suốt cả nhiệm kỳ đối với các nhiệm vụ trọng tâm.

3. Có các giải pháp quản lý, điều hành hiệu quả phù hợp với cơ chế tự chủ. Cải tiến cơ cấu các khoa chuyên môn, các phòng ban chức năng và rà soát thường xuyên hệ thống văn bản quản lý để tăng hiệu quả quản lý. Có giải pháp chiến lược để thúc đẩy năng lực dịch chuyển chuyên môn của giảng viên khi xây dựng ngành mới thích ứng với xu hướng liên ngành, ngành đặc thù và chất lượng cao chuẩn quốc tế.

4. Thực hiện đối sánh quốc tế, khảo sát thực tế để triển khai hoàn thiện chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2022-2030 trong đó cần: lưu ý đến vai trò tư vấn chính sách quốc gia/quốc tế trong lĩnh vực năng lượng; xây dựng các chiến lược thành phần, kế hoạch ngắn hạn; có quy trình rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các KPIs; bổ sung các biện pháp quản trị rủi ro, xác định nguồn lực thực hiện và xây dựng logframe để thực hiện.

5. Cập nhật các văn bản quản lý và chính sách phù hợp các văn bản pháp quy mới của Nhà nước, nhất là Luật Giáo dục đại học, Luật Sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học và các Nghị định liên quan. Tăng cường phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý sau giám sát giữa Đảng uỷ, Hội đồng trường, thanh tra, bộ phận giám sát của Hội đồng trường. Rà soát, cải tiến các chính sách thể hiện tính đột phá để đảm bảo thực thi hiệu quả các mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

6. Xây dựng kế hoạch cụ thể đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; có các giải pháp đột phá, đủ mạnh giữ chân người tài, tiếp tục thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên để chuẩn bị nguồn lực cho nâng cao chất lượng, các lĩnh vực mới, hiện đại theo xu hướng chuyển đổi số, sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo và đẩy mạnh hoạt

động khoa học công nghệ và chuyên gia công nghệ. Có quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu thu chi tài chính cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; xây dựng và ban hành hệ thống KPIs đánh giá hiệu quả thực hiện của cán bộ, giảng viên, nhân viên đảm bảo khoa học, khách quan, minh bạch.

7. Có giải pháp đột phá để đa dạng hóa nguồn thu trên cơ sở Đề án tự chủ mở ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; tăng hoạt động liên kết đào tạo quốc tế, bồi dưỡng ngắn hạn; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, đẩy mạnh việc thành lập các doanh nghiệp khởi nghiệp, spin-off và doanh nghiệp khoa học công nghệ. Xây dựng và hiện đại hóa đồng bộ cơ sở vật chất; tăng cường học liệu số hóa và đảm bảo bổ sung đầy đủ tài liệu đáp ứng yêu cầu các ngành đào tạo. Đẩy nhanh tiến độ công tác chuyển đổi số để phát triển theo mô hình đại học thông minh. Xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả trong khai thác các hạng mục đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn.

8. Ban hành các văn bản quản lý hoạt động hợp tác, hoàn thiện bộ công cụ rà soát và định kỳ có báo cáo rà soát về các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác. Phân tích nguồn lực thực hiện để xây dựng chiến lược phát triển đối tác phù hợp; có chính sách đầu tư tập trung để thiết lập các đối tác chiến lược. Xây dựng các hợp tác chặt chẽ về nghiên cứu khoa học, các chương trình nghiên cứu quốc tế lớn có sự tham gia của các nhà khoa học xuất sắc. Có kế hoạch triển khai hợp tác chuyển giao công nghệ, thương mại hóa để khai thác thế mạnh của một trường đại học trong lĩnh vực năng lượng.

9. Tham chiếu Khung Đảm bảo chất lượng quốc tế để tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu phát triển và tương thích với bối cảnh Việt Nam. Tiếp tục hoàn thiện các kế hoạch chiến lược, các nhiệm vụ hàng năm và hệ thống các quy định, hướng dẫn thực hiện công tác đảm bảo chất lượng. Xây dựng bộ chỉ số KPIs về xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường.

10. Tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá; tổ chức rút kinh nghiệm để triển khai thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo theo kế hoạch; chia sẻ và lan tỏa những thực hành đảm bảo chất lượng tốt giữa các đơn vị, tăng cường bồi dưỡng năng lực cho cán bộ chuyên trách để đáp ứng đầy đủ, có hiệu quả cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược. Đẩy mạnh truyền thông về công tác đảm bảo chất lượng để cán bộ, viên chức hiểu rõ về mô hình đảm bảo chất lượng và xây dựng, phát triển văn hóa chất lượng nhà trường.

11. Rà soát và có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong đảm bảo được việc thu thập, phân tích và sử dụng thông tin phục vụ việc quản lý có hiệu quả những hoạt động cốt lõi. Bổ sung hệ thống thông tin về đối sánh trong nước, quốc tế; giám sát chỉ số thực hiện kế hoạch chiến lược để hỗ trợ hiệu quả cho việc ra quyết định.

12. Rà soát, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về công tác đối sánh; xác định phương thức/hình thức đối sánh dựa trên nhu cầu cải tiến các lĩnh vực hoạt động; lựa chọn các đối tác phù hợp và đa dạng hơn các loại hình đối sánh và phân tích kết quả đối sánh để có các giải pháp cải tiến chất lượng. Rà soát, đánh giá năng lực cạnh tranh quốc tế để không ngừng cải tiến, nâng cao các vị trí xếp hạng và tăng cường các chỉ số thị trường giáo dục của Nhà trường.

13. Xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp để thu hút các sinh viên giỏi có năng lực phù hợp, nhất là đối với các ngành đào tạo năng lượng và các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên tại các vùng đặc biệt; xây dựng tiêu chí tuyển sinh phù hợp đối với chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ. Có cơ chế và quy trình giám sát, kiểm tra trước, trong và sau khi tuyển sinh

đến khi người học tốt nghiệp; xây dựng hệ thống hỗ trợ theo dõi để kết nối, hỗ trợ sinh viên từ đầu vào đến khi trở thành cựu sinh viên.

14. Xây dựng và ban hành quy trình phát triển các chương trình đào tạo, các mô hình đào tạo mới; xây dựng chiến lược phát triển và quy hoạch ngành đào tạo, trong đó chú trọng đến các CTĐT mang tính liên ngành giữa kỹ thuật công nghệ năng lượng và kinh tế, quản lý, kinh doanh. Lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan khi điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương học phần và chuẩn đầu ra, trong đó chú trọng đến phát triển người học toàn diện, có khả năng tự học, sáng tạo, làm việc độc lập, có tinh thần lập nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng.

15. Ban hành chính thức triết lý giáo dục và hướng dẫn chuyển hóa vào các hoạt động dạy và học. Phân tích, đánh giá và lựa chọn phương pháp dạy và học phù hợp để đạt chuẩn đầu ra, đặc biệt đối với các CTĐT sau đại học. Xác định rõ các phương pháp dạy và học, chú trọng đến nghiên cứu, tự học của người học và tăng cường thực hành, mô phỏng, thí nghiệm; cập nhật tài liệu, công cụ mới trong đề cương các học phần. Có cơ chế phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành, thu hút các chuyên gia xuất sắc của các lĩnh vực; xây dựng các cơ chế hợp tác phòng thí nghiệm với các trường đại học và viện nghiên cứu. Có giải pháp phân bổ tài chính đầu tư cho các đề án tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học sinh viên có sản phẩm đóng gói được và đưa vào phòng thí nghiệm.

16. Ban hành quy chế khảo thí áp dụng cho các hệ đào tạo. Rà soát và điều chỉnh phương pháp đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra. Có giải pháp đảm bảo thực hiện đánh giá người học công bằng, khách quan với hệ thống thang điểm, phiếu chấm rõ ràng; đa dạng hóa phương pháp kiểm tra đánh giá, phù hợp với học phần và đáp ứng chuẩn đầu ra; phân tích tương quan và tương quan chéo kết quả của người học trong các năm để có cơ sở đánh giá, đối sánh hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp. Có giải pháp cải tiến việc kiểm tra, đánh giá đối với các học phần có thực hành, thực tập, các học phần dùng các phần mềm mô phỏng, các học phần phối hợp với doanh nghiệp.

17. Xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ và có giải pháp đào tạo bồi dưỡng phù hợp với từng vị trí công việc. Có giải pháp để xây dựng các hệ thống hỗ trợ sinh viên trong khai thác học liệu điện tử, bài giảng trực tuyến. Xây dựng hệ thống giám sát, theo dõi và chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên thực hiện hiệu quả công tác hỗ trợ người học và đảm bảo tính thống nhất.

18. Xác định cụ thể mục tiêu phát triển khoa học công nghệ với các chỉ báo KPIs và cụ thể hóa thành các kế hoạch hoạt động 5 năm, hàng năm. Có chính sách động viên, thu hút đội ngũ nhà khoa học trình độ cao, đầu ngành dẫn dắt nghiên cứu đỉnh cao và đầu tư cho các nhóm nghiên cứu mạnh, các ngành mũi nhọn có thể mạnh. Tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu và hệ thống quản trị hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

19. Rà soát, tổng kết hệ thống quản lý và các chính sách gắn với lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ. Chú trọng phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học tạo ra sản phẩm có thể thương mại hóa; có chính sách hỗ trợ, khuyến khích và thúc đẩy việc đăng ký bản quyền và bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm nghiên cứu khoa học và đẩy mạnh khai thác, chuyển giao, thương mại hóa. Chú trọng đầu tư cho các đơn vị và nhà khoa học tương xứng tiềm năng nghiên cứu và phát triển công nghệ; tăng cường nhận thức, năng lực cho cán bộ, giảng viên và người học về sở hữu trí tuệ.

20. Có chiến lược, chính sách và các cơ chế để thu hút đội ngũ chuyên gia có uy tín chuyên môn cao trong và ngoài nước để; thúc đẩy các dự án hợp tác nghiên cứu khoa học hướng tới sản phẩm nghiên cứu có giá trị. Đánh giá tính hiệu quả trong triển khai hợp tác và đối tác nghiên cứu; đẩy mạnh các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác là các trường/viện có thể mạnh để xây dựng được các đề tài, dự án hợp tác song phương, phát huy được tiềm năng và nâng cao uy tín, thương hiệu của Nhà trường.

21. Rà soát, đánh giá và có các chính sách về kết nối và phục vụ cộng đồng trong đó chú trọng đến tác động xã hội thông qua các hoạt động này; định kỳ có các báo cáo và hướng dẫn giám sát việc triển khai và hiệu quả các hoạt động. Xây dựng bộ chỉ số KPIs về đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng có tham chiếu các chỉ số phát triển năng lực cạnh tranh quốc gia và bộ chỉ tiêu, chỉ báo đánh giá mức độ tham gia của từng cá nhân, đơn vị; xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về kết quả phục vụ cộng đồng bên trong và bên ngoài để có giải pháp cải tiến theo từng giai đoạn phù hợp.

22. Có chính sách để tăng nền tảng giáo dục khai phóng ở một số ngành chất lượng cao để tạo học vấn nền cho người học làm việc ở khu vực công. Xây dựng các giải pháp mạnh về hỗ trợ đạt chuẩn ngoại ngữ để tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Có giải pháp kỹ thuật để kiểm soát kết quả khách quan của quá trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, coi trọng việc truyền cảm hứng, phát triển tư duy sáng tạo và dẫn dắt của giảng viên là điều kiện để tăng mức độ hài lòng từ người học; xây dựng chiến lược tư vấn việc làm cho người học tốt nghiệp, quan tâm thúc đẩy các cơ hội trải nghiệm có thách thức để người học tiến bộ nhanh trong tương lai.

23. Hoàn thiện quy định về tài sản trí tuệ và quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên và người học. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thường xuyên thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phấn đấu về khoa học và công nghệ. Nghiên cứu lựa chọn mô hình hoạt động khoa học công nghệ thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm có thể chuyển giao, thương mại hóa; tăng cường huy động mọi nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học, trong đó có nguồn thu từ chuyển giao khoa học công nghệ. Có các giải pháp tích cực để gia tăng tài sản trí tuệ của Nhà trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về mức độ hài lòng của các bên liên quan và đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học.

24. Xây dựng chiến lược thực thi và mục tiêu cụ thể cho từng nhóm hoạt động và đối tượng tham gia, nguồn lực tương ứng để thực hiện công tác kết nối, phục vụ cộng đồng phù hợp với theo sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường. Có các giải pháp, chương trình thực thi xây dựng xã hội học tập cộng đồng, nâng cao khả năng học tập suốt đời, lan tỏa tri thức ra cộng đồng; phát triển các modul học tập dựa trên cộng đồng. Xây dựng văn bản hướng dẫn và quy trình giám sát, đối sánh và chỉ số thực hiện cho các loại hình phục vụ cộng đồng; nghiên cứu xác lập việc đánh giá mức độ đóng góp, tác động xã hội của các hoạt động phục vụ cộng đồng đối với xã hội và sự thay đổi nhận thức, tình cảm đối với cán bộ, giảng viên và người học để cải tiến chất lượng.

25. Có giải pháp đột phá để đa dạng hóa nguồn thu; tăng cường các hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và các chương trình theo xu hướng chuyển đổi số, năng lượng xanh, tái tạo; tăng cường đào tạo sau đại học và các hợp tác chuyển giao kết quả nghiên cứu cho doanh nghiệp để cải thiện các chỉ số tài chính.. Tăng chi cho nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên

theo quy định để thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ. Xác định các chỉ số thị trường như cạnh tranh, thị phần, thứ hạng; lựa chọn đối tác đối sánh của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo tầm nhìn và có quy định, hướng dẫn việc đối sánh, giám sát kết quả thực hiện.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
